

CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS FOR IMPROVING THE QUALITY OF TEACHING AND LEARNING HAN-NOM COURSES IN TRAINING PROGRAM OF LITERATURE EDUCATION BACHELOR AT QUANG BINH UNIVERSITY IN THE CURRENT CONTEXT

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY - HỌC CÁC HỌC PHẦN HÁN NÔM TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN SƯ PHẠM NGŨ VĂN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

Nguyễn Thị Hoài An
Trường Tiểu học Bãi Dinh

ABSTRACT: Literature written in Chinese and Nom (from the 10th to 19th centuries) has special value in the Vietnamese literary treasure trove and in the bachelor's training program in Literature pedagogy. Mastering knowledge of Chinese, Nom, and ancient Chinese characters is extremely important. However, students majoring in Literature Education at Quang University encounter many obstacles in absorbing the nation's ancient Chinese literature. On that basis, this article proposes a number of measures to improve the quality of teaching and learning Han Nom modules to contribute to fostering interest in learning and improving the quality of teaching Han Nom modules for students. Literature major at Quang Binh University currently.

Keywords: Study Chinese characters and Nom script, classical Chinese literature, and Han-Nom Vietnamese texts.

TÓM TẮT: Dòng văn học viết bằng chữ Hán, chữ Nôm (thế kỉ X - XIX) có giá trị đặc biệt trong kho tàng văn học Việt Nam và trong chương trình đào tạo cử nhân ngành sư phạm Ngữ văn. Việc nắm vững tri thức về chữ Hán, chữ Nôm, Hán văn cổ có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Tuy nhiên, sinh viên ngành Đại học sư phạm Ngữ văn ở Trường Đại học Quảng Bình gặp không ít trở ngại để tiếp thu nền Hán văn cổ của dân tộc. Trên cơ sở khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về thực trạng dạy - học Hán Nôm những năm gần đây (2020 - 2024), bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học các học phần Hán Nôm đối với sinh viên ngành sư phạm Ngữ văn tại Trường Đại học Quảng Bình hiện nay.

Từ khóa: Học chữ Hán, chữ Nôm, Hán văn cổ, văn bản Hán Nôm Việt Nam.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xét về nguồn gốc, Chữ Hán ra đời đáp ứng nhu cầu giao tiếp của con người, đặc biệt ở các khu vực bị Hán hoá sớm. Từ xưa, người Trung Quốc đã thắt nút dây để ghi nhớ sự việc: “Bện thừng ghi nhớ sự việc là một phương pháp ghi nhớ sự việc vô cùng phổ biến trước khi chữ viết ra đời, là một

phương pháp dùng vật thể để giúp đỡ trí nhớ, rất có tác dụng trong cuộc sống của con người thời viễn cổ. Bện thừng tức là dùng dây thừng bện lại, ghi việc lớn thì bện mối lớn, ghi việc nhỏ thì bện mối nhỏ, việc nhiều thì bện nhiều, việc ít thì bện ít... Sau khi nghiên cứu có người cho rằng, có khả năng, một số kí hiệu chỉ con số trong chữ

viết cổ là do ký hiệu bện thừng biến thành” [2; tr.17]. Như vậy, chữ kết thừng là chữ sớm nhất của người Trung Quốc, tiếp đến là thư khế - hai loại chữ tối sơ mà hiện nay chỉ còn trong truyền thuyết. Sau đó, đến thời Ân (thế kỷ XIV tr. CN) có chữ Giáp cốt (khắc trên mảnh yếm rùa và xương thú). Từ chữ Giáp cốt, chữ Hán có nhiều sự biến đổi. Sau này, có chữ Chung đỉnh văn hay Kim thạch văn. Đó chính là mầm mống để tạo ra hàng loạt chữ mới sau này, đủ sức ghi lại nhiều điều con người cần nói.

Trong lịch sử nước ta, chữ Hán được xem là ngôn ngữ quan phương chính thức dùng trong mọi hoạt động. Vào khoảng thế kỷ XII, đất nước ta chưa có hệ thống văn tự riêng nên chữ Hán là văn tự chính thống, được sử dụng phổ biến toàn quốc. Trong cuốn *Cơ sở ngữ văn Hán Nôm*, tập 1, Đặng Đức Siêu cho rằng: *“Tuy nhiên, trong tay sử dụng của người Việt Nam, nó không thể không tăng cường từ vựng, linh hoạt cú pháp, sáng tạo thêm những cách diễn đạt mới, trở thành một thứ Hán văn Việt Nam rất gần gũi tiếng Việt”* [6]. Trên cơ sở chữ Hán, ông cha ta sáng tạo nên chữ Nôm. Chữ Nôm (喃) ra đời xuất phát từ nhu cầu diễn đạt bằng ngôn ngữ dân tộc. Qua nhiều thời kỳ, chữ Nôm được điều chỉnh theo tình hình phát triển của lịch sử ngữ âm tiếng Việt. Tuy mang một số nhược điểm nhất định nhưng chữ Nôm luôn là một công cụ ghi chữ, biểu hiện tinh thần độc lập dân tộc, giúp nhân dân ta đấu tranh chống mọi sự nô dịch về chính trị cũng như về văn hóa. Nó tồn tại và phát triển không ngừng cùng với sự phát triển của nền văn học nước nhà, để lại cho chúng ta nhiều tác phẩm có giá trị. Căn cứ vào sử liệu, khoảng thế kỷ XII, chữ Nôm được dùng để khắc văn bia, khế ước, địa bạ, ghi tên người, địa danh trong văn bản hành

chính và tín ngưỡng. Gắn liền với chữ Hán, chữ Nôm là sự phát triển của dòng văn học trung đại Việt Nam từ thế kỷ X - XIX. với các tác phẩm bất hủ như *“Nam quốc sơn hà”*, *“Bạch Đằng giang phú”* (Trương Hán Siêu), *“Ngọc tỉnh liên phú”* (Lê Quý Đôn), *“Thiên đô chiếu”* (Lí Công Uẩn), *“Dụ chư tì tướng hịch văn”* (Trần Quốc Tuấn), *“Bình Ngô đại cáo”*, *“Quân trung từ mệnh tập”*, *“Ức Trai thi tập”* (Nguyễn Trãi), thơ chữ Hán của Lê Thánh Tông và hội Tao đàn, *“Bạch Vân thi tập”* (Nguyễn Bình Khiêm), *“Thánh Tông di thảo”* (Lê Thánh Tông) *“Truyền kì mạn lục”* (Nguyễn Dữ), *“Cư trần lạc đạo”* của Trần Nhân Tông, *“Hồng Đức quốc âm thi tập”* (Lê Thánh Tông), *“Bạch Vân quốc ngữ thi tập”* (Nguyễn Bình Khiêm), thơ Nôm Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến...

Ở nhiều trường đại học trên cả nước, trong đó có Trường Đại học Quảng Bình, khung chương trình đào tạo ngành Sư phạm Ngữ văn quy định việc học Hán Nôm là nội dung cần thiết và tất yếu. Sinh viên ngành sư phạm Ngữ văn được tiếp cận với chữ Hán, chữ Nôm qua một số học phần như Tiếng Việt thực hành; Cơ sở văn hóa Việt Nam; Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt; Phong cách học tiếng Việt; Lịch sử văn minh nhân loại; Lược khảo về chữ Hán, chữ Nôm; Văn học trung đại Việt Nam (từ thế kỷ X - XIX); Hán văn Trung Quốc; Thi pháp thơ Đường; Văn bản Hán Nôm Việt Nam; Từ Hán Việt với việc giảng dạy ngữ văn ở phổ thông. Như vậy, đối với sinh viên ngành Ngữ văn, ngữ liệu về Hán Nôm liên quan đến văn học, lịch sử tiếng Việt, văn hoá dân tộc và các vấn đề về ngôn ngữ. Việc học chữ Hán, chữ Nôm góp phần giúp sinh viên đọc hiểu văn bản Hán văn cổ, tác phẩm văn học ở các thể loại khác nhau. *“Theo*

thống kê bước đầu, trên 80% tổng số các văn bản Hán Nôm còn lại tới nay là thơ ca, văn vần, văn biền ngẫu. Ngắn gọn, súc tích, tinh tế, uyển chuyển, rút chữ bớt lời...; đó là những đặc trưng bao trùm hầu hết các văn bản ấy về hình thức ngôn ngữ” [7; tr.18]. Thực tế cho thấy rằng, nếu sinh viên không thể mình giải văn bản Hán Nôm thì không thể tiếp thu giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Hơn nữa, việc học chữ Hán, chữ Nôm không hề đơn giản, mất nhiều thời gian, khó ghi nhớ hình thể - kết cấu. Mỗi học phần có đặc thù riêng. Với việc học tập Hán Nôm, việc học thuộc 214 bộ thủ là thử thách đầu tiên về lòng kiên nhẫn. Sinh viên không chỉ tự rèn luyện viết chữ Hán đúng quy tắc bút thuận mà còn phải viết vuông vắn, dù chữ đó ít nét hay nhiều nét đều nằm gọn trong một ô vuông. Chữ viết gãy gọn, nét ngang bằng, nét sổ thẳng, nét móc sắc sảo. Nếu người học chỉ ghi nhớ một cách máy móc, học thuộc đôi ba bộ thủ, một số cấu trúc ngữ pháp thì không thể đạt đến việc nắm vững tri thức ngữ văn Hán Nôm về cả chất lẫn lượng được.

Tuy nhiên, thực trạng hiện nay, đa số sinh viên ngành Đại học sư phạm Ngữ văn nói riêng cũng như thế hệ trẻ nói chung đều chưa thật hào hứng và cảm thấy khó khăn trong việc ghi nhớ loại chữ tượng hình biểu ý này. Vì vậy, việc bồi dưỡng hứng thú và sử dụng phương pháp giảng dạy phù hợp để nâng cao chất lượng dạy - học các học phần Hán Nôm là điều cần thiết.

2. NỘI DUNG

2.1. Vị trí và thực trạng dạy - học các học phần Hán Nôm trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Ngữ văn

2.1.1. Vị trí các học phần Hán Nôm trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Ngữ văn

Hiện nay, chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Ngữ văn tại Trường Đại học Quảng Bình có các học phần liên quan trực tiếp đến Hán Nôm gồm: Lược khảo về chữ Hán, chữ Nôm (02 tín chỉ), Văn bản Hán Nôm Việt Nam (03 tín chỉ), Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở Phổ thông (02 tín chỉ).

Học phần Lược khảo về chữ Hán, chữ Nôm gồm 02 tín chỉ. Về kiến thức, học phần Lược khảo về chữ Hán, chữ Nôm cung cấp cho sinh viên những kiến thức có tính chất nền tảng và hệ thống về ngôn ngữ văn tự Hán (quá trình hình thành, phát triển, các giai đoạn phát triển, kết cấu, hình thể, cách thể hiện và các bộ thủ chữ Hán), cung cấp kiến thức về lý thuyết chữ Nôm (khái niệm, vai trò, nguồn gốc hình thành, diễn biến, cấu trúc và cách đọc chữ Nôm). Về kỹ năng, sinh viên có một số kỹ năng cần thiết như kỹ năng đọc, viết chữ Hán, chữ Nôm, sử dụng từ điển Hán Việt để tra cứu và giải nghĩa một số chữ Hán, từ Hán Việt thường gặp, mở rộng vốn từ Hán Việt. Sinh viên có thể tiếp cận một số văn bản Hán Nôm nhằm tạo dựng khả năng đọc hiểu, mình giải văn bản Hán Nôm đơn giản, vận dụng kiến thức về chữ Hán, chữ Nôm vào hoạt động nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn về sau.

Học phần Văn bản Hán Nôm Việt Nam gồm 03 tín chỉ. Học phần này hệ thống hóa và bổ sung những kiến thức cần thiết về lớp từ Hán Việt, về các thể loại văn bản Hán Nôm, mở rộng vốn từ Hán Việt điển hình nhằm tạo dựng khả năng đọc hiểu các tác phẩm viết bằng chữ Hán, chữ Nôm có trong chương trình giảng dạy ở bậc THPT. Học phần yêu cầu sinh viên cần nắm vững khoảng 300 chữ Hán gốc thường gặp với tư cách là yếu tố gốc trong các từ Hán Việt để sử dụng khi nói, khi viết giúp dạy học tốt phần thực hành tiếng Việt trong chương

trình Ngữ văn ở bậc THPT; vận dụng kiến thức về chữ Hán, chữ Nôm vào hoạt động nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn về sau. Ngoài ra, học phần này giúp sinh viên minh giải, phân tích và giảng dạy tốt các tác giả và tác phẩm văn học viết bằng chữ Hán, chữ Nôm của văn học Việt Nam trong chương trình phổ thông.

Học phần Từ Hán Việt với việc giảng dạy Ngữ văn ở phổ thông gồm 02 tín chỉ. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm lớp từ Hán Việt, cách thức Việt hóa từ ngữ Hán chủ yếu của người Việt, cách giải nghĩa và mở rộng vốn từ Hán Việt qua một số yếu tố gốc Hán Việt điển hình xuất hiện trong chương trình Ngữ văn THPT. Về kỹ năng, sinh viên nắm vững đặc điểm lớp từ Hán Việt và hiểu nghĩa của từ chính xác trong mỗi văn cảnh cụ thể, đặc biệt là vốn từ Hán Việt để giải mã văn bản Hán Nôm trong chương trình Ngữ văn THPT; hình thành ở sinh viên năng lực vận dụng kiến thức đã học về từ Hán Việt vào các hoạt động giảng dạy phần Ngữ văn THPT.

Sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn ở Trường Đại học Quảng Bình học Hán Nôm bắt đầu từ việc làm quen với chữ Hán trên ba mặt: hình thể - kết cấu; âm đọc Hán Việt và ý nghĩa. Người học luyện kỹ năng viết chữ Hán, đủ nét theo quy tắc bút thuận, theo sơ đồ hình thể, kết cấu chữ Hán và tra cứu tự điển. Sau đó, người học ghi nhớ bộ thủ chữ Hán, các phép cấu tạo chữ Hán, quy tắc cơ bản về ngữ pháp Hán văn cổ, Phiên âm Hán Việt, minh giải và cảm thụ văn bản. Âm Hán Việt là lối đọc chữ Hán theo cách của

người Việt đã có từ lâu. Đặc điểm của cách đọc theo âm Hán Việt phảng phất âm hưởng hào hùng, cao sang, sắc thái cổ. Số lượng từ vựng tương đối lớn và ngữ pháp Hán văn cổ cũng có nhiều đặc điểm khác với tiếng Việt hiện đại. Sinh viên thuộc thể hệ trẻ, tiếp xúc với nền Hán văn cổ còn nhiều hạn chế. Việc ghi nhớ chữ Hán, chữ Nôm cho người mới bắt đầu học gặp khó khăn. Không những vậy, Việt Nam thuộc loại hình văn hoá gốc nông nghiệp. Tổ chức nông thôn truyền thống gắn liền với cây đa, bến nước, sân đình. Mỗi tên đất, tên làng đều ghi dấu lịch sử. Làng quê Việt Nam hầu hết đều có tên gọi bằng chữ Nôm và gắn liền với một câu chuyện. Tên gọi bằng chữ Nôm của làng quê Việt Nam là tiếng nói nôm na, dân dã ghi lại hình hài sông núi trong ký ức và niềm tự hào của mỗi người con đất Việt. Văn hoá làng xã Việt Nam kết tinh truyền thống dân tộc và khơi dậy lòng yêu nước của thế hệ trẻ. Vì vậy, việc tiếp cận và học chữ Nôm rất cần thiết.

2.1.2. Thực trạng dạy - học các học phần Hán Nôm trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Ngữ văn

Để nắm được thực trạng dạy - học các học phần Hán Nôm trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Ngữ văn, chúng tôi đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ phía người học về việc học các học phần Hán Nôm. Đối tượng khảo sát gồm 66 sinh viên Đại học sư phạm Ngữ văn từ khóa 61 đến khóa 65. (khóa 61: 04 sinh viên, khóa 63: 18 sinh viên, khóa 64: 11 sinh viên, khóa 65: 33 sinh viên). Kết quả, chúng tôi có bảng thống kê như sau:

Bảng 1. Khảo sát mức độ tiếp thu kiến thức Hán Nôm từ phía người học

Kiến thức	Chữ Hán				Chữ Nôm	
	<i>Cách viết</i>	<i>Hình thể - kết cấu</i>	<i>Âm đọc Hán Việt</i>	<i>Ý nghĩa</i>	<i>Âm đọc</i>	<i>Cấu tạo</i>
Dễ	5%	2%	6%	15%	12%	2%
Bình thường	38%	33%	47%	36%	20%	17%
Khó	32%	52%	27%	28%	46%	47%
Rất khó	25%	13%	10%	21%	22%	34%

Bảng 2. Khảo sát sự hứng thú với các học phần Hán Nôm

Mức độ/Học phần	Không	Bình thường	Hào hứng	Rất hào hứng
Lược khảo về chữ Hán, chữ Nôm	30%	48%	17%	5%
Văn bản Hán Nôm Việt Nam	38%	39%	15%	8%
Từ Hán Việt với giảng dạy ngữ văn ở phổ thông	25%	42%	26%	7%

Về mặt khách quan, hình thể chữ Hán khó nhớ, hiện tượng đồng âm Hán Việt nhiều, số lượng bộ thủ lớn từ 1 nét đến 17 nét có 214 bộ, từ vựng, ngữ pháp văn ngôn phức tạp. Về phía người học, sinh viên chưa chú tâm, thích thú với việc học chữ tượng hình cổ xưa nên chưa đầu tư thời gian thích đáng, phương pháp học chưa hiệu quả. Kết quả khảo sát cho thấy, 25% - 42% sinh viên chưa hào hứng với việc học Hán Nôm. Qua kết quả khảo sát, chỉ có cách viết chữ Hán, Nôm và âm đọc Hán Việt được sinh viên đánh giá ở mức bình thường. Điều này cũng phù hợp với thực tế. Phần viết chữ Hán theo quy tắc bút thuận, không khó lắm. Và thực ra, “trong mắt người Trung Quốc, kết cấu hình thể chữ Hán có tầng bậc, cách viết cũng có thứ tự, cho nên viết chữ Hán không

hề khó, hơn nữa còn dễ luyện thành thục. Chữ Hán hiện đại - xét từ hình thể khối vuông do nét bút cấu thành và kết cấu hình thể của nó có ba tầng bậc: nét bút - bộ kiện - chữ hoàn chỉnh. Trong đó, bộ kiện là trung tâm của kết cấu hình thể chữ Hán” [2, tr.75]. Còn âm đọc Hán Việt là cách đọc từ gốc Hán của người Việt. “Nhu vậy, cách đọc Hán Việt là cách đọc chữ Hán ở Việt Nam của người Việt Nam. Cách đọc đó phản ánh dạng ngữ âm của chữ Hán thời Đường được dạy và học ở Việt Nam lúc bấy giờ. Tất nhiên, với dạng ngữ âm của chữ Hán đời nhà Đường thì cách đọc Hán Việt cũng đã được Việt hóa ít nhiều cho phù hợp với hệ thống ngữ âm của tiếng Việt thời đó” [8, tr. 12-13]. Cho đến nay, trong từ vựng tiếng Việt, lớp từ Hán Việt chiếm số lượng

nhất định và được người Việt quen thuộc và sử dụng hằng ngày ở nhiều lĩnh vực.

Bên cạnh đó, chúng tôi đồng thời cũng tiến hành phỏng vấn trực tiếp sinh viên về hoạt động này. Theo sinh viên ngành Đại học sư phạm Ngữ văn, việc học tập và nghiên cứu chữ Hán, chữ Nôm có nhiều khó khăn nhất định bởi vì chữ Hán là loại chữ tượng hình biểu ý, khó ghi nhớ hình thể và ý nghĩa. Phương pháp tạo chữ Hán theo thuyết “*Lục thư*” cổ xưa khá xa lạ với sinh viên hiện nay. Kết cấu hình thể chữ Hán, sự kết hợp ghi ý, ghi âm trong loại chữ hình thành khá phức tạp. Việc tra cứu chữ Hán theo bộ thủ, âm Hán Việt hay tổng số nét trong tự điển khiến nhiều sinh viên lúng túng. Một số sinh viên thường phàn nàn rằng học loại chữ tượng hình biểu ý mất nhiều thời gian, khó nhớ hình thể và ý nghĩa. Hơn nữa, sinh viên ít được tiếp xúc với các di sản Hán Nôm như văn bia, địa bạ, khế ước... viết bằng chữ Hán Nôm trong dân gian. Cho nên, hầu hết người học đều bỏ dở khi học Hán Nôm. Các văn bản trong giáo trình đều đã được có âm đọc Hán Việt, chú thích và giải nghĩa nên người học ít tìm tòi, sử dụng tự điển Hán Việt tra cứu mà chỉ sử dụng từ ngữ, văn bản được đã phiên âm.

2.2. Một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy - học các học phần Hán Nôm

2.2.1. Bồi dưỡng niềm say mê và hứng thú học tập cho sinh viên

Đối với sinh viên, học tập với niềm say mê và hứng thú sẽ tạo tâm thế tiếp thu tri thức thuận lợi hơn. Cùng với sự cải tiến phương pháp giáo dục, tăng cường sự tương tác, phát huy năng lực và phẩm chất của người học đã tạo nên những đổi thay của giáo dục Việt Nam để đáp ứng nhu cầu xã hội. Unesco đã đưa ra bốn triết lý giáo dục là: Học để biết, học để làm, học để hợp

tác, chung sống và học để làm người. Điều này chi phối đến động cơ và thái độ học tập của sinh viên khá lớn. Trước đây, người thầy là trung tâm, là linh hồn của giáo dục. Còn hiện nay, người thầy có vai trò định hướng, người học mới là trung tâm của quá trình dạy và học. Hơn nữa bản chất của việc học là tự học, tự chiếm lĩnh tri thức. Mỗi người học tự tìm cho mình một phương pháp học tập hiệu quả, phù hợp với khả năng của bản thân.

Trước hết, việc học ngôn ngữ nào cũng cần có sự kiên trì, nhẫn nại, đặc biệt là đối với chữ tượng hình biểu ý này. Điều quan trọng nhất là người học xác định được động lực, mục tiêu để có hứng thú và hiệu quả. Việc nắm vững nguồn gốc và bản chất chữ Hán sẽ góp phần giúp sinh viên giải mã các kí hiệu tượng hình biểu ý trong chữ Hán. Còn ở Việt Nam, từ chữ Hán, chữ Nôm đến di sản văn hóa thành văn của dân tộc là quá trình Việt hóa lâu dài và sự sáng tạo văn chương không ngừng nghỉ. Vì vậy, để nâng cao chất lượng dạy - học các học phần Hán Nôm, giảng viên và sinh viên cần nỗ lực hơn nữa.

Xét về ngọn nguồn, việc học chữ Hán - chữ Nho không thể không nhắc tới lối học của người xưa và của Khổng Tử. Theo Khổng Tử (551 - 479 tr. CN), việc học lễ phải thực hiện trước việc học kiến thức một bước, sau đó học đi đôi với hành và để vận dụng vào thực tế. Phương pháp dạy của người thầy rất quan trọng. Người thầy phải dẫn dắt học trò từng bước và người học tự rút ra những kết luận dựa trên sự dẫn dắt đó. Và ông cũng coi trọng thái độ học cần cù, khiêm tốn (*tri chi vị tri chi, bất tri vị bất tri, thị tri dã: biết thì nói là biết, không biết thì nói không biết, như vậy mới là biết*)... Ông đưa ra tâm thế của người dạy và người học:

“*Học nhi bất yếm, hoi nhi bất quyên.*” (Học không biết chán, dạy không biết mệt mỏi). Trên thực tế, người thầy không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn thổi luồng cảm hứng học tập vào ý chí của người học. Theo ông, việc học trước là vì bản thân mình để có kiến thức, sau là để hành sự. Khổng Tử từng nói rằng: “*Bất hoạn nhân chi bất kỳ tri, hoạn bất tri nhân dã*” (Đừng lo người không biết mình, chỉ lo mình không biết người). Người học luôn trong tư thế ham học, học mọi lúc mọi nơi và học ở tất cả mọi người. Khổng Tử viết: “*Tam nhân đồng hành tất hữu ngã sư yên, trạch kỳ thiện giả nhi tòng chi, kỳ bất thiện giả nhi cãi chi*” (Ba người cùng đi ắt có thầy ta ở đó. Chọn điều tốt của họ mà theo, chọn điều không tốt mà sửa đổi). Người học trước khi bắt đầu việc học phải xác định mục tiêu của sự học, rồi mới xác định nên học cái gì để tìm ra cách học đúng đắn. Khổng Tử cũng cho rằng: “*Học bất tư tắc vong, tư bất học tắc dĩ*”. (Học mà không suy nghĩ là sai lầm, suy nghĩ mà không học là bế tắc). Bên cạnh đó, ông đề cao phương pháp học có hiệu quả, đồng thời tiết kiệm thời gian mà không

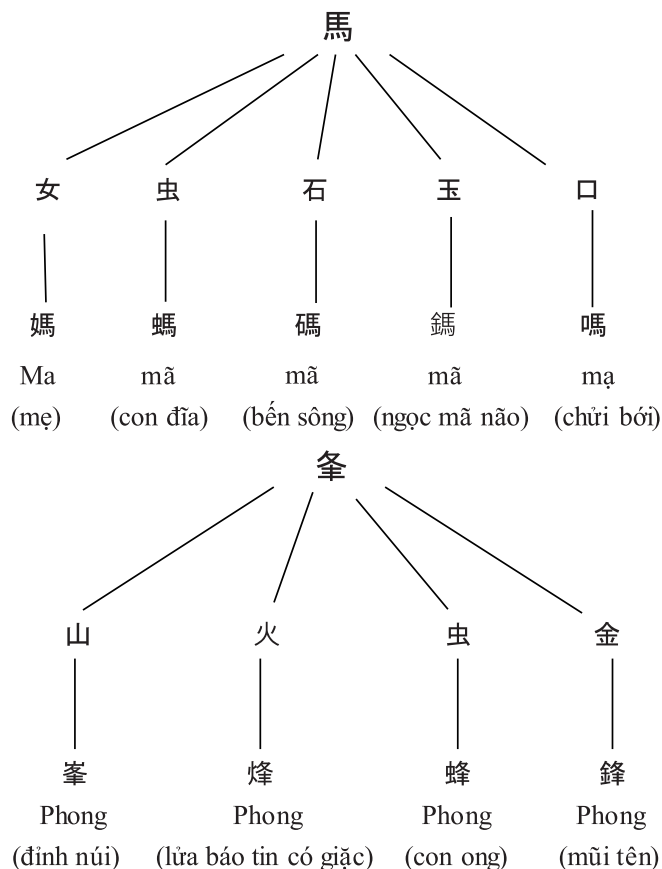
bỏ sót những kiến thức đã học, đó là cách học “*ôn cố nhi tri tân*” (Ôn cái cũ mà biết cái mới, như thế có thể làm thầy).

Đối với sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn, hứng thú học tập được khơi nguồn từ các tác phẩm thi ca, từ trải nghiệm thực tế, quá trình dạy - học tương tác và từ những di sản Hán Nôm còn lưu giữ qua các bảo tàng, nhà thờ dòng tộc, văn bia... Trong việc dạy và học chữ Hán, chữ Nôm, phương pháp seminar, thuyết trình là một hình thức vui học có hiệu quả, tạo hứng thú cho người học trong việc tiếp nhận loại chữ tượng hình. Với phương pháp này, sinh viên sẽ được chia thành các nhóm, mỗi nhóm từ 2 - 5 người, chuẩn bị và trình bày, thảo luận về bài thơ, đọc thơ, câu đối, đồ chữ (hội ý, chiết tự), sáng tác thơ ca, viết thư pháp... Giảng viên có thể đưa ra các gợi ý, định hướng các vấn đề cho sinh viên lựa chọn để các nhóm hào hứng tìm tòi và thuyết trình trước lớp. Sau đó, cả lớp tiến hành thảo luận, góp ý, đánh giá kết quả.

Sau đây là một số gợi ý các vấn đề semina đối với học phần *Lược khảo về chữ Hán, chữ Nôm*.

Bảng 3. Gợi ý các vấn đề semina

Học phần	Vấn đề	Hình thức
Lược khảo về chữ Hán, chữ Nôm	- Chữ tượng hình biểu ý. - Truyền thuyết viễn cổ về khởi nguồn chữ Hán. - Thuyết cấu tạo “Lục thư cổ xưa”, chữ hình thanh - Sự tái hiện văn minh cổ đại qua lịch sử hình thành và phát triển chữ Hán. - Chữ Hán ở Việt Nam. - Sáng tạo chữ Nôm của người Việt Nam. - Nghệ thuật thư pháp Hán Nôm.	- Sơ đồ tư duy - Trình chiếu slide. - Sản phẩm minh họa (viết thư pháp Hán Nôm)



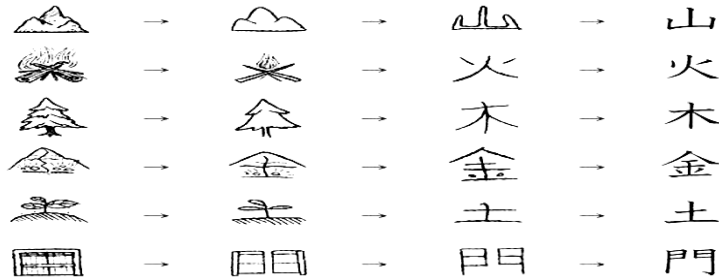
Sơ đồ minh họa cấu tạo chữ hình thanh

Sinh viên tự lựa chọn vấn đề yêu thích để tìm hiểu. Quá trình làm bài tập nhóm, nghiên cứu tài liệu, giáo trình sẽ giúp sinh viên trau dồi và mở mang kiến thức. Việc thuyết trình trước lớp còn thúc đẩy quá trình tương tác giữa người dạy và người học. Nhiều vấn đề sẽ được gợi mở và khơi dậy. Bản thân sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm và tìm được hứng thú trong học tập. Điều này góp phần tích cực vào việc thay đổi cách nhìn và tâm thế của người học đối với học phần Hán Nôm. Hán Nôm không chỉ là những con

chữ khô cứng mà chứa đựng cả bề dày lịch sử văn minh cổ xưa. Hoạt động tìm hiểu và trải nghiệm viết thư pháp chữ Hán góp phần bồi đắp niềm say mê học tập cho sinh viên. Bởi lẽ nghệ thuật thư pháp chữ Hán có sức hấp dẫn độc đáo và riêng biệt.

2.2.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy - học

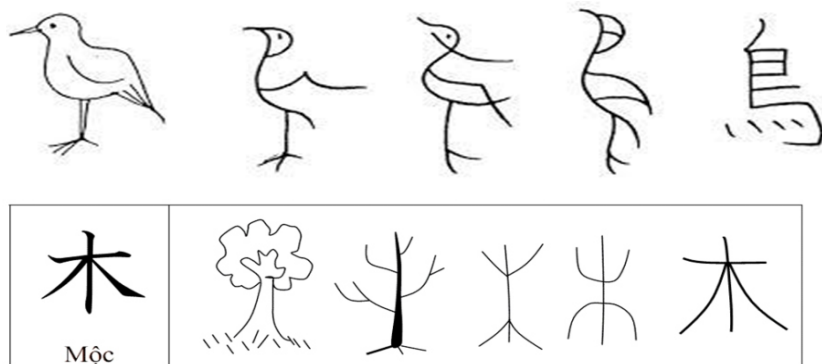
Giảng viên hướng dẫn sinh viên học cách ghi nhớ bộ thủ chữ Hán bằng hình ảnh trực quan. Giảng viên sử dụng hình ảnh minh họa bộ thủ gắn liền với nội dung bài học bằng bài giảng Power Point.



Hình ảnh minh họa các bộ thủ (hỏa, mộc, kim, thổ, môn)

Theo triết học Mác - Lê nin, con đường nhận thức đi từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng. Hình ảnh có thực trong đời sống sẽ tạo ấn tượng và giúp người học ghi nhớ chữ Hán hiệu quả hơn. Những hình ảnh

trình chiếu đẹp mắt thu hút sự chú ý và sự liên tưởng cho người học. Ví dụ như hình ảnh quá trình cách điệu và hình thành chữ Hán của bộ điều, bộ mộc dưới đây.



Theo cách học chữ của người xưa, học chữ Hán được thực hiện qua việc tìm hiểu và ghi nhớ 214 bộ thủ. Khởi nguồn từ Hứa Thận, Mai Ưng Tộ - một nhà từ vựng học Trung Quốc đã phân chia và sắp xếp chữ Hán thành 214 bộ thủ. “*Bộ thủ chính là tập hợp những chữ có thành phần tương đồng vào một bộ trong từ điển, sắp xếp ở vị trí đầu mỗi bộ để làm kí hiệu đánh dấu, ví như mộc, nhân...*” [2; tr77]. Bộ thủ được hiểu là chữ đứng đầu một bộ, đảm nhận bộ phận biểu thị ý nghĩa trong loại chữ hình thanh.

Vì vậy, sinh viên cần nắm vững 214 bộ thủ để có thể tra cứu từ điển và phân nào đoán biết được nghĩa của các chữ. 214 bộ thủ được xếp theo thứ tự từ 1 - 17 nét. Nắm vững ý nghĩa của 214 bộ thủ chữ Hán là cơ sở để phân biệt nghĩa của các từ đồng âm. Phương pháp học cách ghi nhớ mặt chữ và phân biệt ý nghĩa từ đồng âm trên cơ sở bộ thủ chữ Hán là điều cần chú ý khi học chữ Hán, chữ Nôm và từ Hán Việt.

Chúng ta có thể minh họa một số bộ thủ bằng hình vẽ như sau:

日 → 日 nhật: mặt trời

☾ → 月 Nguyệt: mặt trăng

川 → 川 Xuyên: Sông

水 → 水 Thủy: nước

人 → 人 Nhân: người

手 → 手 Thủ: tay

木 → 木 Mộc: cây

果 → 果 Quả: trái cây

Ngoài ra, sinh viên có thể ghi nhớ hình thể và ý nghĩa chữ Hán qua “lục thư” - 6 phép cấu tạo chữ. 6 phép bao gồm tượng hình, chỉ sự, hội ý, giả tá, chuyển chú, hình thanh. Ví như, tượng hình là phép tạo chữ dựa trên việc vẽ giống hình vật thực đã được cách điệu hoá. Trong 說文解字 (Thuyết văn giải tự), Hứa Thận giải thích chữ tượng hình là chữ “hoạ nên các vật, vẽ theo hình thể, như chữ nguyệt, chữ nhật”. Đây là phép vẽ các hình tạo thành chữ. Ví dụ: 日 (nhật): mặt trời. Ngày xưa vẽ hình mặt trời tròn, trong có vệt sáng nhấp nháy là chữ 一 (nhất), một nét thuộc dương. Cho nên, mặt trời còn gọi là thái dương. 月 (nguyệt): mặt trăng. Người xưa vẽ hình mặt trăng khuyết, trong có chữ nhị, hai nét thuộc âm. Mặt trăng còn được gọi là thái âm. 目 (mục): mắt. Vẽ hình con mắt có tròng trắng, tròng đen. 耳 (Nhĩ): vẽ cái vành tai ở bên má. 果 (quả): trái cây. Vẽ hình trái kết trên cây. 火 (hoả): lửa. Vẽ hình ngọn lửa đang bập bùng cháy. 水 (thủy): nước. Vẽ dòng nước đang chảy hiền hòa. Bộ nhân vẽ hình con người đứng thẳng bằng hai chân. 大 (đại): lớn (hình người đứng thẳng giữa trời đất, dang hai tay hai chân).

Dựa vào đặc điểm của loại chữ tượng hình, chúng ta có thể học chữ Hán, chữ Nôm qua lối chơi chữ (chiết tự, hội ý), qua các bài vẽ, câu đố được lưu truyền trong dân

gian. Ví như: *Ai ơi nhớ lấy điều này/Nét trên mà ngắn, nét dài là sau/Ngược lại thì thấy khác nhau/Dài trên ngắn dưới nhắc nhau chớ nhầm.* (Chữ: thối, sĩ, vị, mặt 土 士 未 末). Hay là: *Người bên cạnh núi sẽ thành tiên/Chó đứng cạnh vua phát điên liền.* (Chữ tiên và chữ cuồng 仙, 狂). *Chữ gì trái trước phải sau/ Phải dài hơn trái, ngược nhau là gì?* (chữ nhân và chữ nhập). *Lưỡng nhật bình đầu nhật/Tứ sơn điền đảo sơn/Lưỡng vương tranh nhất quốc/Tứ khẩu tung hoành gian* (chữ Khẩu). *Chim chích mà đậu cành tre/Thập trên tứ dưới, nhất đè chữ tâm* (Chữ Đức). Ngoài ra, giảng viên có thể giới thiệu một số địa chỉ trang web, app, phần mềm hiện đại để sinh viên tìm tòi và tự học. Trong việc tiếp thu tri thức Hán Nôm hoặc một số mẹo ghi nhớ từ các phần mềm ứng dụng sẽ hữu ích cho sinh viên. Cách truyền đạt kiến thức có kết hợp linh hoạt giữa phương pháp truyền thống và hiện đại sẽ có hiệu quả nhất định, từ đó góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

3. KẾT LUẬN

Chữ Hán và chữ Nôm là văn tự cổ được ông cha ta sử dụng ở nhiều lĩnh vực trong suốt một thời gian dài của lịch sử dân tộc. Đây cũng là chất liệu ngôn ngữ sáng tác nhiều tác phẩm văn học, lịch sử, văn hoá.... tạo nên kho di sản văn hoá thành văn Hán Nôm phong phú. Việc học chữ Hán, chữ

Nôm có vai trò quan trọng trong việc tìm hiểu, bảo tồn giá trị văn hoá dân tộc nói chung và đối với sinh viên ngành sư phạm Ngữ văn nói riêng. Nhiều tri thức khoa học xã hội nhân văn được lưu giữ qua hình thể chữ Hán và sự ghi âm của chữ Nôm. Việc đưa chữ Hán, chữ Nôm vào giảng dạy và

đào tạo cử nhân chuyên ngành sư phạm Ngữ văn có ý nghĩa thiết thực. Vấn đề đổi mới và vận dụng nhiều phương pháp giảng dạy góp phần bồi dưỡng, tạo hứng thú cho sinh viên để nâng cao chất lượng dạy và học các học phần Hán Nôm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thiều Chửu, *Hán Việt Từ điển* (2005), Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [2] Hàn Giám Đường (2012), *Chữ Hán Trung Quốc*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [3] Phạm Văn Khoái (2004), *Giáo trình Hán Nôm dành cho du lịch*, Nxb ĐHQG Hà Nội.
- [4] Lý Lạc Nghị (1997), *Tìm về cội nguồn chữ Hán*, Nxb Thế giới, 1997.
- [5] SGK Ngữ văn lớp 10 - 11 *Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống* (2022), Nxb Giáo dục,
- [6] Đặng Đức Siêu (1984), *Cơ sở Ngữ văn Hán Nôm (tập 1)*, Nxb Đại học sư phạm
- [7] Đặng Đức Siêu (2007), *GT Ngữ văn Hán Nôm (tập 1; tập 2)*, Nxb Đại học sư phạm.
- [8] Đặng Đức Siêu (2006), *Dạy và học từ Hán Việt ở Trường phổ thông*, Nxb Giáo dục.

Liên hệ:

ThS. Nguyễn Thị Hoài An

Trường Tiểu học Bãi Dinh

Địa chỉ: Xã Dân Hóa, tỉnh Quảng Trị

Email: hoaianqb86@gmail.com

Ngày nhận bài: 02/5/2024

Ngày gửi phản biện: 02/6/2024

Ngày duyệt đăng: 15/3/2026